

Số: 23/QĐ-MNHL

Hải Lăng, ngày 06 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2026 của Trường Mầm non Hải Lăng

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài Chính sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ vào Quyết định số 638/QĐ-UBND ngày 30/12/2026 của UBND xã Hải Lăng “V/v giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2026”;

Xét đề nghị của hội đồng Trường Mầm non Hải Lăng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai dự toán ngân sách năm 2026 của Trường Mầm non Hải Lăng (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Thư ký hội đồng, kế toán và các bộ phận có liên quan thuộc trường Mầm non Hải Lăng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/h);
- Lưu VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Sầm Thị Xuân

Hải Lăng, ngày 06 tháng 01 năm 2026

BIÊN BẢN NIÊM YẾT CÔNG KHAI
Dự toán ngân sách năm 2026

Hôm nay, vào hồi 8h00' ngày 06/01/2025. Tại Trường Mầm non Hải Lăng Chúng tôi gồm:

1. Bà: Sầm Thị Xuân - Chức vụ: Hiệu trưởng
2. Bà: Dương Kim Huệ - Chức vụ: Phó Hiệu trưởng điểm khu chính
3. Bà: Đinh Thị Ngát - Chức vụ: Phó Hiệu trưởng điểm Trường Tiến
4. Bà: Vũ Thị Ngoãn - Chức vụ: Phó Hiệu trưởng điểm Đồng Rui
5. Bà: Nguyễn Thị Kiều Ngân - Chức vụ: Tổ trưởng điểm khu chính
6. Bà: Phạm Thị Ngọc - Chức vụ: Tổ phó điểm khu chính
7. Bà: Nguyễn Thị Miền - Chức vụ: Tổ trưởng điểm Trường Tiến
8. Bà: Trần Thị Hiền - Chức vụ: Tổ trưởng điểm Đồng Rui
9. Bà: Hà Thị Thắm - Chức vụ: Nhân viên kế toán
10. Bà: Phạm Nhật Lệ - Chức vụ: Thư ký hội đồng

Nội dung

Lập biên bản niêm yết công khai “ **Dự toán ngân sách năm 2026 theo quy định**”.

Thời gian niêm yết: Bắt đầu từ ngày 06/01/2026 đến ngày 05/04/2026.

Thực hiện niêm yết công tại Bảng công khai các điểm trường để thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường, các ban ngành biết.

Việc niêm yết này được thực hiện liên tục trong thời gian 90 ngày, kết thúc việc niêm yết sẽ lập biên bản hoàn thành việc niêm yết và tháo gỡ công khai.

Biên bản lập xong hồi 11h30' cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua và ký tên./.

NGƯỜI NIÊM YẾT

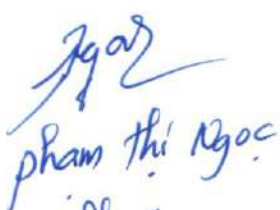


Phạm Nhật Lệ

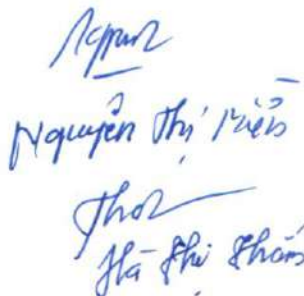


Sầm Thị Xuân

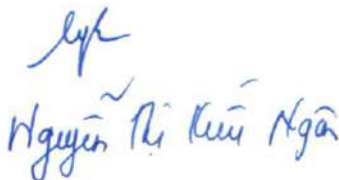
CÁC THÀNH VIÊN THAM GIA



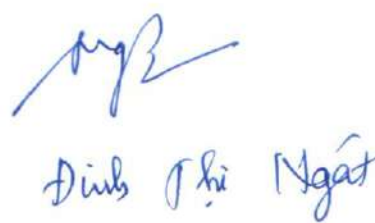
Phạm Thị Ngọc



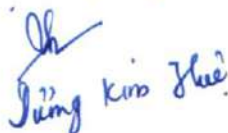
Nguyễn Thị Miền



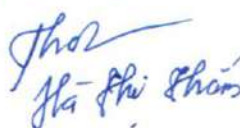
Nguyễn Thị Kiều Ngân



Đinh Thị Ngát



Dương Kim Huệ



Hà Thị Thắm

Đơn vị: Trường Mầm non Hải Lạng
Chương: 822

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 638/QĐ-UBND ngày 30/ 12/2025 của UBND xã Hải Lạng)

Đvt: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	928.710.000
1	Lệ phí	
2	Phí	
	Nguồn học phí	928.710.000
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp.....	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí ...	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	19.444.548.927
I	Nguồn ngân sách trong nước	19.444.548.927
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	19.444.548.927
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	15.201.655.000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	4.242.893.927
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

Người lập biểu



Hà Thị Thắm

Ngày 06 tháng 01 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị



Sâm Thị Xuân

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước,
chi ngân sách địa phương năm 2026**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HẢI LẠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Luật Ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Luật đầu tư công năm 2024; Luật đầu tư công sửa đổi năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 88/2025/NQ-HĐND ngày 16/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh về quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 320/NQ-HĐND ngày 16/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh về dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương, phân bổ dự toán chi ngân sách cấp tỉnh và cơ chế, biện pháp điều hành ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 4869/QĐ-UBND ngày 22/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương; phân bổ dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 26/12/2025 của Hội đồng nhân dân xã Hải Lăng về dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương và biện pháp điều hành ngân sách địa phương năm 2026;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế xã tại Tờ trình số 290/TTr-KT ngày 29/12/2025 và ý kiến thống nhất của thành viên Ủy ban nhân dân xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2026 cho các cơ quan, đơn vị dự toán cấp xã theo các phụ biểu kèm theo Quyết định này.

1. Các cơ quan, đơn vị thực hiện các giải pháp thu hiệu quả, hoàn thành cao nhất dự toán được Hội đồng nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân xã giao. Trong điều hành, phấn đấu thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng 10% so với thực hiện năm 2025, đảm bảo cân đối ngân sách địa phương. Quyết liệt thực hiện các giải pháp tăng cường quản lý thu, chống thất thu, trốn thuế, gian lận thương mại, đôn đốc thu hồi nợ thuế, giảm tỷ lệ nợ đọng thuế; thực hiện nghiêm quy định của pháp

luật về chuyển nhượng, cho thuê tài sản công, giao đất, cho thuê đất; đẩy mạnh các khoản thu còn tiềm năng (thu tiền sử dụng đất; thu phí, lệ phí,...).

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong quản lý, sử dụng tài chính, ngân sách nhà nước gắn với trách nhiệm người đứng đầu; triệt để tiết kiệm các khoản chi chưa thực sự cần thiết để đảm bảo nguồn lực cho phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, an sinh xã hội và bổ sung vốn đầu tư phát triển. Chỉ đạo triệt để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Phân bổ, giao dự toán chi các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề và khoa học công nghệ, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo không thấp hơn dự toán tỉnh giao; bố trí đủ kinh phí cho các nhiệm vụ quản lý đất đai. Đổi mới phương thức quản lý chi thường xuyên, tăng cường đấu thầu, đặt hàng, khoán kinh phí cho đơn vị sự nghiệp công lập, nâng cao chất lượng dịch vụ công và giảm dần hỗ trợ từ NSNN. Nâng cao hiệu quả công tác chuẩn bị đầu tư, khắc phụ hạn chế trong chậm triển khai thực hiện trong dự án đầu tư công, chậm giải ngân vốn đầu tư công, hạn chế tối đa việc chuyển nguồn.

2. Thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên trong quá trình điều hành ngân sách để tạo nguồn cải cách tiền lương. Nguồn cải cách tiền lương tại các cơ quan, đơn vị được thực hiện tăng mức lương cơ sở và chi tạo lập quỹ tiền thưởng theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ. Thực hiện tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên (ngoài tiết kiệm tạo nguồn cải cách tiền lương) để bổ sung nguồn kinh phí chi an sinh xã hội sau khi có chỉ đạo, hướng dẫn của Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị tổ chức triển khai thực hiện và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân xã về kết quả thực hiện các chỉ tiêu được giao; chủ động xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện, giải ngân theo từng quý cụ thể cho từng nhiệm vụ; định kỳ (hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, cả năm) tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân xã (qua Phòng Kinh tế xã).

2. Trên cơ sở dự toán được giao, yêu cầu các cơ quan, đơn vị tổ chức triển khai, thực hiện tốt các chỉ tiêu được giao năm 2026.

Chỉ tiêu thu ngân sách là mức giao tối thiểu, phấn đấu thu ngân sách trên địa bàn hoàn thành vượt mức so với dự toán tỉnh giao để đáp ứng nhu cầu chi.

Chỉ tiêu chi ngân sách là mức giao tối đa cho các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm quản lý, điều hành ngân sách hợp lý, triệt để thực hành tiết kiệm, đảm bảo thực hiện tốt các nhiệm vụ; đồng thời, báo cáo về Ủy ban nhân dân xã (qua Phòng Kinh tế). Giao Phòng Kinh tế xã phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị, địa phương trong quá trình thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Các Ông, bà: Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng phòng Kinh tế; Trưởng Thuế cơ sở 6 tỉnh Quảng Ninh; Trưởng phòng Kho bạc Nhà nước khu vực

III - Phòng giao dịch số 16 Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị tại Điều 1 và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (Thực hiện);
- UBND tỉnh (Báo cáo);
- Sở Tài chính tỉnh (Báo cáo);
- Thường trực: Đảng ủy, HĐND xã (Báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND xã (C/đ);
- Các Ban của HĐND xã;
- Cổng thông tin điện tử xã (đăng tin);
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lục Văn Long





10

11

12

13



**ỦY BAN NHÂN DÂN
HẢI LẠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Cho: Trường Mầm non Hải Lạng

Mã ĐVQHNS: 1166648 - Chương: 822

Biên chế được giao: 72

Đơn vị: Đồng

Stt	Nội dung	Tổng tiền	Trong đó		
			Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	Số thu học phí cân đối chi TX theo PA tự chủ về tài chính
A	Tổng số thu, chi từ nguồn học phí				
1	Nguồn thu học phí	928.710.000			
2	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại	928.710.000			
2.1	Học phí	928.710.000			
2.2	Phí	0			
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	20.700.408.927	19.601.698.927	170.000.000	928.710.000
I	Tổng dự toán chi ngân sách nhà nước	20.700.408.927			
1	Kinh phí thực hiện tự chủ	16.457.515.000			
2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	4.242.893.927			
II	Kinh phí tiết kiệm, giảm trừ	1.255.860.000			
1	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên đảm bảo tiền lương	327.150.000	327.150.000		
2	100% số thu học phí cân đối chi TX theo PA tự chủ về tài chính	928.710.000			928.710.000
III	Dự toán chi NSNN giao đơn vị sử dụng	19.444.548.927			
I	Nguồn kinh phí thực hiện tự chủ	15.201.655.000			
-	Tiền lương, tiền công phụ cấp và các khoản đóng góp	13.086.012.000	12.916.012.000	170.000.000	

Stt	Nội dung	Tổng tiền	Trong đó		
			Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	Số thu học phí cân đối chi TX theo PA tự chủ về tài chính
-	Chi thường xuyên	2.115.643.000	2.115.643.000		
2	<i>Nguồn kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	<i>4.242.893.927</i>			
-	Kinh phí dạy học sinh khuyết tật theo TTLT 42/2013	29.615.397	29.615.397		
-	Chính sách miễn, giảm học phí, chi phí học tập	934.110.000	934.110.000		
-	Kinh phí hỗ trợ nhân viên nấu ăn; trông trưa; mua đồ dùng, học liệu, đồ dùng cá nhân cho trẻ; tiền điện, tiền nước	653.617.530	653.617.530		
-	Hỗ trợ tiền ăn trưa, chăm sóc sức khỏe ban đầu trẻ mầm non, chế độ học sinh khuyết tật	1.006.410.000	1.006.410.000		
-	Kinh phí hoạt động chung	674.300.000	674.300.000		
-	Mua sắm, sửa chữa thường xuyên trang thiết bị trường, lớp học	291.050.000	291.050.000		
-	Tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024	653.791.000	653.791.000		

24

